TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2026/DS-PT
Ngày: 11/3/2026
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 850/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2025/DS-ST, ngày 02/10/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực M, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1479/2025/QĐ-PT ngày 12/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dương Bạch H, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Số E, đường T, khóm B, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

**. Người đại diện theo ủy quyền của bà H:*
- Đinh Thế T, sinh năm 1987; (có mặt)
Địa chỉ: I N, phường C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; (có mặt)
Địa chỉ: tổ B, khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Văn K, sinh năm 1972; (có mặt)
Nguyễn Thị P, sinh năm 1978; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp;
Cùng chỗ ở hiện nay: Số nhà B, đường L, khóm E, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

**. Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Văn K, Nguyễn Thị P;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là bà Dương Bạch H do bà Nguyễn Thị M là người đại diện hợp pháp trình bày:* Ngày 04/11/2023, bà Dương Bạch H có cho vợ chồng ông Trần Văn K vay số tiền 7.000.000.000đồng; ngày 26/02/2024, bà Dương Bạch H có cho vợ chồng ông Trần Văn K vay số tiền 2.500.000.000đồng; ngày 01/5/2025, bà Dương Bạch H có cho vợ chồng ông Trần Văn K vay số tiền 5.250.000.000đồng;

Thời hạn vay hai bên ghi trong biên nhận quy định từ 07 ngày đến 01 tháng ghi trong biên nhận sau khi đáo nợ Ngân hàng xong, lãi suất hai bên thỏa thuận với nhau là 02%/tháng, nhưng đến khi hạn trả nợ thì vợ chồng ông Trần Văn K nói với bà Dương Bạch H khi nào đáo nợ Ngân hàng xong trả cho bà Dương Bạch H vốn và lãi;

Sau khi vay xong, thì bà Dương Bạch H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn K trả các số tiền vay còn thiếu, nhưng cố tình không trả tiền gốc và lãi. Đến ngày 14/7/2025, ông Trần Văn K đã trả cho bà Dương Bạch H số tiền 1.100.000.000đồng và đến nay không trả tiền;

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho bà Dương Bạch H số tiền vay còn thiếu gốc là 13.650.000.000 đồng và tiền lãi 3.429.062.000 đồng, tổng cộng 17.079.062.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

**. Bị đơn là ông Trần Văn K trình bày:* Biên nhận còn thiếu tiền 1.400.000.000đồng là đúng, còn lại 02 biên nhận kia là giả tạo, nhưng ông không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong 02 biên nhận này. Sau này, ông sẽ cung cấp toàn bộ giấy tờ có liên quan đến việc trả nợ đầy đủ cho bà Dương Bạch H, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông không cung cấp; ông còn trình bày thêm yêu cầu Tòa án ngừng phiên tòa chuyển hồ sơ vụ án này qua cho Công an để xử lý hình sự.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2025/DS-ST, ngày 02/10/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực M - tỉnh Đồng Tháp đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Bạch H.

Buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho bà Dương Bạch H số tiền vay còn thiếu gốc là 13.650.000.000 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) và lãi 3.429.062.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng), tổng cộng 17.079.062.000 đồng

(Mười bảy tỷ không trăm bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Bạch H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Dương Bạch H là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không đặt ra giải quyết.

Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 125.079.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Theo đơn kháng cáo ngày 14/10/2025 và dấu xác nhận đơn kháng cáo ngày 16/10/2025, bị đơn Trần Văn K, Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/3/2026:

Bị đơn Trần Văn K thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung: Nếu có căn cứ chuyển hồ sơ vụ án sang hình sự; Yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm, nếu không thì sửa bản án dân sự sơ thẩm là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bạch H;

Đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn K;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 14/10/2025 và dấu xác nhận đơn kháng cáo ngày 16/10/2025 thì người kháng cáo gồm ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, tại phần ký tên vào đơn kháng cáo, ông K thừa nhận là người ký thay cho bà P trong khi bà P không có ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý thông báo kháng cáo của bà P là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đề đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà P trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông K;

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đưa ra nhiều luận cứ như án sơ thẩm đã nhận định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần

Văn K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của ông Trần Văn K và biên nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông K thì ông K kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 14/10/2025 và dấu xác nhận đơn kháng cáo ngày 16/10/2025 thì người kháng cáo gồm ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, tại phần ký tên vào đơn kháng cáo ông K thừa nhận là người ký thay cho bà P trong khi bà P không có ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý thông báo kháng cáo của bà P là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà P, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông K;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, có mặt anh Đinh Thế T, bà Nguyễn Thị M, ông TrầnVăn K1; bà Nguyễn Thị P vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 04/3/2026, bị đơn Trần Văn K thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo của ông K không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn Trần Văn K về việc yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm hoặc sửa bản sán sơ thẩm với nội dung không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bạch H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà Dương Bạch H và ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P, giao nhận tiền, trả vốn gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn Dương Bạch H cung cấp gồm:

Biên nhận ngày 04/11/2023, bà Dương Bạch H có cho vợ chồng ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P1 vay số tiền 7.000.000.000đồng, thời gian vay và trả trong vòng 01 tháng;

Biên nhận ngày 26/02/2024, bà Dương Bạch H có cho vợ chồng ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P1 vay số tiền 2.500.000.000đồng, thời gian mượn và trả trong vòng 05 ngày;

Biên nhận ngày 01/5/2025, bà Dương Bạch H có cho vợ chồng ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P1 vay số tiền 5.250.000.000đồng, thời gian mượn và trả trong vòng 15 ngày.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/3/2026, ông Trần Văn K thừa nhận chữ ký trong ba biên nhận trên là của ông và của bà P. Ông K cho rằng ông trả tiền cho bà H nhiều lần và đã thanh toán xong 03 biên nhận trên cụ thể như sau: Chuyển cho chồng bà H là ông T1 02 tỷ đồng bằng hình thức chuyển khoản; Doanh nghiệp T2 trả thay cho ông là 03 tỷ đồng; Con ông đã nhiều lần trả bằng tiền mặt cho bà H nhưng không có lập biên nhận giao nhận tiền; Ông K đề nghị ngừng phiên tòa để ông cung cấp chứng cứ là ông đã chuyển khoản cho ông T1 và mời doanh nghiệp T2 làm chứng cho ông đã có chuyển trả nợ thay cho ông, con ông đã trả tiền cho bà H. Ông Trần Văn K yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án này qua cho Công an để xử lý hình sự vì có dấu hiệu lừa đảo;

Để đảm bảo lời khai nại của ông K tại phiên tòa ngày 04/3/2026 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tạm ngừng theo yêu cầu của ông K và phiên tòa mở lại vào ngày 11/3/2026 vào lúc 08 giờ;

Phiên tòa mở lại vào ngày 11/3/2026 vào lúc 08 giờ, ông K vắng mặt, không cung cấp được chứng như như lời trình bày của ông K tại phiên tòa ngày 04/3/2026, phiên tòa tiếp tục được xét xử theo quy định;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn Dương Bạch H khởi kiện bị đơn Trần Văn K, Nguyễn Thị P về hợp đồng vay tài sản có cung cấp 03 biên nhận tiền (hợp đồng vay) nêu trên thì phía nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bị đơn Trần Văn K cho rằng ba biên nhận trên là giả tạo, đã trả tiền cho bà H thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về phía bị đơn. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn Trần Văn K không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong ba biên nhận trên nên không có căn cứ chứng minh ba biên nhận trên là giả tạo như lời trình bày của ông K;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K cũng không cung cấp được tình tiết nào khác ngoài những tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét;

Do đó có căn cứ xác định bà Dương Bạch H có cho ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P1 vay 03 lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 04/11/2023, bà H cho vợ chồng ông K, bà P vay số tiền 7.000.000.000 đồng, thời gian mượn và trả trong vòng 01 tháng;

Ngày 26/02/2024, bà H cho vợ chồng ông K, bà P vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời gian mượn và trả trong vòng 05 ngày;

Ngày 01/5/2025, bà H cho vợ chồng ông K, bà P vay số tiền 5.250.000.000 đồng, thời gian mượn và trả trong vòng 15 ngày;

Tổng cộng ba khoản vay trên là 14.750.000.000 đồng. Bà Dương Bạch H thừa nhận ông K đã trả cho bà H 1.100.000.000 đồng nên vợ chồng ông K, bà P còn nợ bà H số tiền vay là 13.650.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu trả số tiền vay (vốn gốc) là 13.650.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 463, Điều 470 của Bộ luật Dân sự thì xác định 03 hợp vay tài sản trên là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn trả, không có lãi suất cho vay.

[2.2]. Xét việc tính tính lãi suất cho vay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã nhận định trên, 03 hợp vay tài sản trên là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn trả, không có lãi suất cho vay;

Phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như 03 hợp đồng trên nên chỉ phát sinh lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Do đó lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử sơ thẩm và được xác định như sau:

Biên nhận (Hợp đồng vay vốn) ngày 04/11/2023 với số tiền vay là 7.000.000.000 đồng, thời gian mượn và hoàn trả trong vòng 01 tháng. Như vậy kể từ ngày 04/11/2023 đến hết ngày 04/12/2023 là không phát sinh lãi suất. Do đó, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/10/2025 là 21 tháng 27 ngày, mức lãi suất là 0,833%/tháng, thành tiền là 1.276.989.000 đồng;

Biên nhận (Hợp đồng vay vốn) ngày 26/02/2024 với số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, thời gian mượn và hoàn trả trong vòng 05 ngày. Như vậy kể từ ngày 26/02/2024 đến hết ngày 01/3/2024 là không phát sinh lãi suất. Trong biên nhận này, ông K có trả được vốn gốc vào ngày 14/7/2025 hai lần tiền: 800.000.000 đồng và 300.000.000 đồng, tổng cộng là 1.100.000.000 đồng. Do đó, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính:

Từ ngày 02/3/2024 đến ngày 14/7/2025 là 16 tháng 12 ngày, trên số vốn gốc 2.500.000.000 đồng, mức lãi suất 0,833%/tháng, thành tiền là 341.530.000 đồng;

Từ ngày 15/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/10/2025 là 02 tháng 17 ngày, trên số vốn gốc 1.400.000.000 đồng, mức lãi suất 0,833%/tháng, thành tiền là 29.932.470 đồng.

Biên nhận (Hợp đồng vay vốn) ngày 01/5/2025 với số tiền vay là 5.250.000.000 đồng, thời gian mượn và hoàn trả trong vòng 15 ngày. Như vậy

kể từ ngày 01/5/2025 đến hết ngày 15/5/2025 là không phát sinh lãi suất. Do đó, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính từ ngày 16/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/10/2025 là 04 tháng 16 ngày, mức lãi suất là 0,833%/tháng, thành tiền là 198.254.000 đồng;

Như vậy tổng cộng số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ của 03 hợp đồng vay trên là: 1.276.989.000 đồng + 341.530.000 đồng + 29.932.470 đồng + 198.254.000 đồng thành tiền là 1.846.705.470 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm, tính mức lãi suất cho vay là không phù hợp với nội dung của hợp đồng vay nên cần sửa án sơ thẩm về việc tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[2.3]. Xét có trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P cùng trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời thừa nhận của ông K thì ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P1 hiện tại vẫn là vợ chồng, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Số tiền vay được dùng vào hoạt động kinh doanh của vợ nên ông K, bà P phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho bà Dương Bạch H;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Dương Bạch H là có căn cứ;

Tại phiên Tòa phúc thẩm, ngoài những chứng cứ do ông Trần Văn K cung cấp thì cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông K về việc trả nợ gốc cho bà H;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn K về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông K về việc sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền .

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Văn K;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2025/DS-ST, ngày 02/10/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực M - tỉnh Đồng Tháp;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Bạch H.

Buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Bạch H số tiền vay vốn gốc là 13.650.000.000đồng (mười ba tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 1.846.705.470 đồng (một tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng), tổng cộng là 15.496.705.470 đồng (mười lăm tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng);

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Bạch H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 123.496.705 đồng (một trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại ông Trần Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông K người đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0005167 và 0005168 ngày 17/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 11/3/2026, có mặt ông T, bà M; Vắng mặt ông K, bà P.

***. Nơi nhận**:*
- TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Khu vực M;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu